

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn thành phố Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2026/QĐ-UBND)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân ngoài nước có hoạt động liên quan đến bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong việc quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; khu di tích lịch sử; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác tại thành phố Đồng Nai.

Điều 3. Nguyên tắc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông, hạ tầng kỹ thuật khác và công trình phòng, chống thiên tai thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

1. Thực hiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác.

2. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng các công trình trên địa bàn tỉnh phải được lập thành kế hoạch; phù hợp với điều kiện cụ thể của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, tạo thuận lợi cho công tác khắc phục hậu quả thiên tai và cứu hộ, cứu nạn.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRONG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, SỬ DỤNG CÁC KHU KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, KHAI THÁC TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN KHÁC, ĐÔ THỊ, DU LỊCH, CÔNG NGHIỆP, DI TÍCH LỊCH SỬ; ĐIỂM DU LỊCH; ĐIỂM DẪN CƯ NÔNG THÔN; CÔNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (TRỪ CÔNG TRÌNH QUY ĐỊNH TẠI CHƯƠNG III), GIAO THÔNG, ĐIỆN LỰC, VIỄN THÔNG VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC

Điều 4. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai

1. Thực hiện quy định chung tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT và quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản và khai thác tài nguyên thiên nhiên khác:

a) Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình, hạng mục công trình để chủ động phòng tránh.

b) Xây dựng phương án giằng neo kèo cột, che chắn và chống tốc mái cho nhà xưởng, nhà làm việc, nhà ở cho công nhân nội trú (nếu có), kho tàng, đặc biệt là các kho chứa thành phẩm, bán thành phẩm; khơi thông cống rãnh thoát nước nội bộ tránh xảy ra ngập cục bộ; duy trì sự làm việc bình thường của các máy phát điện dự phòng để chủ động cung cấp điện trong các tình huống bất khả kháng do thiên tai gây ra.

c) Kiểm tra các điều kiện khai thác, bảo đảm an toàn theo đúng thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt. Kiểm tra, rà soát hiện trạng mức độ an toàn tại các khu vực khai thác, bãi thải, hồ lắng, hồ chứa chất thải, hồ chứa quặng đuôi (kể cả khi các khu vực này đã dừng hoạt động); thực hiện các giải pháp để đưa về trạng thái an toàn theo quy định; đánh giá mức độ an toàn của đê, đập, bờ bao hồ chứa bùn thải, hồ lắng, bãi thải, bờ mương; rà soát, bổ sung hồ sơ thiết kế, khả năng chịu tải của đê, đập, bờ bao (có tính đến sự tác động của mưa bão, dòng chảy); xử lý khắc phục ngay các hiện tượng sụt, lún, nứt, thấm, sạt lở đê, đập, bờ bao, bờ mương. Dọc tuyến sông, suối phải đảm bảo thanh thải các bãi chứa vật

liệu, công trình tạm của các chủ cơ sở khai thác cát, sỏi lòng sông, suối, ngòi. Đối với các bãi thải và hồ chứa quặng đuôi: Trong phạm vi nguy hiểm do đá lăn phải có rào chắn hoặc có biển cấm người, súc vật và phương tiện qua lại. Việc bố trí bãi thải ở khe núi hoặc thung lũng phải triển khai những công trình thoát nước mưa và nước lũ; bãi thải ở phần đất chưa ổn định phải tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành và các quy định khác có liên quan. Quy trình vận hành hồ chứa quặng đuôi phải được xây dựng bao gồm quy trình vận hành hồ chứa quặng đuôi trong điều kiện bình thường, trong điều kiện mưa lũ và trong trường hợp phát hiện các dấu hiệu có khả năng dẫn đến sự cố. Kiểm soát thăm trong đập, giám sát mực nước và dòng chảy đến hồ chứa, theo dõi các khu vực xung quanh hồ chứa; thiết bị phục vụ vận hành.

d) Khai thác theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế mỏ, ranh giới, diện tích, độ sâu cho phép; có biện pháp giảm độ sâu phần đáy moong, thoát nước không để tạo thành hồ chứa nước nhằm bảo đảm an toàn.

đ) Rào, chắn xung quanh khu vực đã tác động khai thác, phía trên các vách moong hiện hữu (đặc biệt là khu vực đã tạo thành hồ chứa nước), cấm biển báo nguy hiểm, bố trí lực lượng bảo vệ thường xuyên kiểm tra không để người dân, gia súc vào khu vực mỏ (đặc biệt nghiêm cấm việc tắm, bơi lội tại hồ chứa nước, đi lại trên vách, bờ moong). Thường xuyên kiểm soát khu vực khai thác khoáng sản và các khu vực khác có liên quan, trường hợp có dấu hiệu không bảo đảm an toàn, sạt, trượt, lở đất, đá phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến; đồng thời, có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

e) Bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xảy ra sự cố mất an toàn gây ảnh hưởng đến tính mạng con người và tài sản.

3. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu công nghiệp:

a) Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình, hạng mục công trình.

b) Kiểm tra rà soát mức độ an toàn chịu lực, ổn định hiện trạng của công trình.

c) Tiến hành các biện pháp gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn (đặc biệt hệ thống mái tôn, vách tôn, trần nhựa, cửa kính, thiết bị máy móc).

d) Tháo dỡ các thiết bị, bộ phận không bảo đảm an toàn khi có mưa bão.

đ) Lập phương án và chủ động sửa chữa, gia cố kịp thời trụ sở, nhà xưởng, kho tàng, nhà ở không bảo đảm an toàn sau mưa bão nhằm sớm ổn định sản xuất và đời sống cán bộ, công nhân viên, người lao động trong đơn vị.

4. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng điểm dân cư nông thôn:

a) Thông báo và yêu cầu người dân, chủ sở hữu thực hiện gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn nhà ở trước mùa mưa bão.

b) Kiểm tra, rà soát và có biện pháp sửa chữa, gia cường đối với các công trình sử dụng mái tôn, mái fibro xi măng, trần nhựa, cửa kính, công trình gắn panô, biển quảng cáo, bồn chứa nước trên cao.

c) Thực hiện việc đánh giá, cảnh báo cho người dân đang sinh sống và làm việc trong các công trình xây dựng tại các khu vực có nguy cơ sạt lở đất như bờ sông, bờ suối, sườn dốc, dưới chân taluy dương, trên đỉnh các taluy âm; các khu vực thường xảy ra lũ ống, lũ quét.

d) Bảo đảm an toàn điện, cung cấp nước sạch cho người dân tại các vùng bị ngập úng.

đ) Thực hiện việc nạo vét kênh mương, cửa lấy nước, đào ao trữ nước, lắp đặt và vận hành các trạm bơm dã chiến; chuẩn bị, bố trí phương tiện vận chuyển nước sạch để kịp thời cấp nước sinh hoạt cho nhân dân trong các điểm dân cư nông thôn tại các vùng thiếu nước nghiêm trọng khi hạn hán xảy ra.

5. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng điểm du lịch, khu du lịch, khu di tích lịch sử:

a) Theo dõi chặt chẽ tình hình, diễn biến thời tiết để có các biện pháp gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn cơ sở vật chất, có phương án bố trí nhân lực, phương tiện, chuẩn bị trang thiết bị và nhu yếu phẩm cần thiết để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người lao động và khách du lịch; đồng thời, chủ động thực hiện việc ngừng tiếp nhận phục vụ khách du lịch trong thời gian xảy ra thiên tai, bão lũ.

b) Đối với các điểm du lịch, khu du lịch, khu di tích lịch sử tại các vùng thấp trũng, ven sông phải chuẩn bị sẵn sàng phương án sơ tán, di dời, bảo đảm an toàn cho khách du lịch và tài sản trước khi có gió mạnh hoặc nước dâng.

6. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng khu đô thị:

a) Thông báo và yêu cầu người dân, chủ sở hữu thực hiện gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn nhà ở trước mùa mưa bão.

b) Kiểm tra, rà soát và có biện pháp sửa chữa, gia cường đối với các công trình sử dụng mái tôn, mái fibro xi măng, trần nhựa, cửa kính, công trình gắn panô, biển quảng cáo, bồn chứa nước trên cao.

c) Xây dựng phương án bảo đảm tiêu thoát nước đô thị, chống ngập úng; thường xuyên rà soát, kiểm tra hệ thống tiêu thoát nước của khu vực đô thị nhằm bảo đảm việc chống ngập úng khi có mưa, lũ.

d) Kiểm tra và có kế hoạch duy tu, bảo trì, nạo vét hệ thống tiêu thoát nước chính tại các khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng cục bộ khi có mưa, bão; có các giải pháp khắc phục tình trạng ngập úng cục bộ khi có mưa lớn.

7. Kiểm soát quy trình cắt tỉa cây xanh đô thị bảo đảm an toàn cho người dân trong mùa mưa bão; bảo đảm an toàn điện, cung cấp nước sạch cho người dân tại các vùng bị thiên tai.

8. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình phòng chống thiên tai (trừ công trình quy định tại Chương III), giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác:

a) Đối với công trình giao thông, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 72/2025/TT-BXD.

b) Xây dựng phương án bảo đảm an toàn đối với công trình đang thi công xây dựng; lập, thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, công trình và các công trình lân cận, đặc biệt công tác bảo đảm an toàn đối với cần trục tháp, máy vận thăng và các thiết bị làm việc trên cao trong mùa mưa bão.

c) Khi vận hành công trình phải thực hiện thông tin, cảnh báo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, chính quyền nơi chịu tác động của quá trình vận hành, nhất là trong tình huống thiên tai đang diễn ra tại khu vực công trình và vùng bị tác động của quá trình vận hành.

Điều 5. Trách nhiệm đảm bảo yêu cầu phòng chống thiên tai

1. Các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung sau:

a) Tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy định này

b) Tổ chức thực hiện thông tin, truyền thông nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng, biện pháp về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và công trình thuộc phạm vi quản lý.

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quá trình quản lý, vận hành, sử dụng công trình, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý.

d) Xác định nội dung các nhiệm vụ cụ thể; phân công trách nhiệm cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý.

đ) Báo cáo định kỳ hằng năm các khu vực trọng điểm, xung yếu và phương án phòng, chống thiên tai đối với các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, du lịch, đô thị, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và công trình thuộc phạm vi quản lý, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 4 hàng năm để tổng hợp,

báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

e) Tổ chức xử lý các tình huống, hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai; sự cố, nguy cơ xảy ra sự cố thuộc phạm vi quản lý khi có yêu cầu. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó phải báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố để phối hợp chỉ đạo ứng phó (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường).

g) Đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, đô thị, du lịch, di tích lịch sử; điểm du lịch, điểm dân cư nông thôn và công trình thuộc phạm vi quản lý.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của địa phương, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo Điều 4 quy định này.

b) Tổ chức thực hiện các quy định tại điểm b, c, d, đ, g khoản 2 Điều 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo định kỳ hằng năm các khu vực trọng điểm, xung yếu và phương án phòng, chống thiên tai đối với các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, du lịch, đô thị, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và công trình thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 4 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố gửi Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý vận hành, sử dụng:

a) Tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy định này và khoản 4 Điều 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

b) Thực hiện chế độ báo cáo việc kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, mức độ ổn định công trình hoặc hạng mục công trình theo quy định, gửi về các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình trước ngày 15 tháng 4 hàng năm.

c) Khi phát hiện các hoạt động, hành vi, sự cố công trình có thể ảnh hưởng đến an toàn công trình và hoạt động phòng, chống thiên tai đối với công trình, phải kịp thời thông tin, báo cáo cho các đơn vị có liên quan và cơ quan chủ quản để xử lý, khắc phục. Trường hợp các hoạt động, hành vi và sự cố xảy ra nghiêm trọng mà cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý không xử lý được hoặc việc phối hợp xử lý chưa đạt yêu cầu thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình để được hỗ trợ.

d) Báo cáo định kỳ theo quý, báo cáo đột xuất khi có sự cố xảy ra cho các sở, ban, ngành có liên quan về kết quả thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai.

đ) Chấp hành việc kiểm tra, giám sát, xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện trách nhiệm của mình về các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

CHƯƠNG III

QUY ĐỊNH CỤ THỂ BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRONG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Điều 6. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, suối

1. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý công trình phòng, chống sạt lở bờ sông: Thực hiện theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, suối

a) Tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nội dung đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, suối quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Thực hiện các trách nhiệm theo các quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 7 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

3. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Thực hiện trách nhiệm theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

b) Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phòng, chống thiên tai trong quản lý công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, suối trên địa bàn thành phố.

c) Tham mưu UBND thành phố thực hiện nhiệm vụ tại điểm d khoản 5 Điều 7 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện trách nhiệm theo các quy định tại điểm a, b, c, đ, e khoản 5 Điều 7 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

Điều 7. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành công trình đê điều

1. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành công trình đê điều: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai của lực lượng chuyên trách quản lý đê điều đối với các tuyến đê từ cấp IV, cấp V.

a) Kiểm tra, theo dõi diễn biến tình trạng đê điều; lập hồ sơ lưu trữ và cập nhật thường xuyên dữ liệu về công trình đê điều và thiên tai ảnh hưởng đến công trình đê điều.

b) Xây dựng phương án hộ đê, bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều; phương án xử lý sự cố đê điều.

c) Thực hiện các nội dung khác liên quan đến bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình đê điều quy định tại khoản 1 Điều này và pháp luật về đê điều.

3. Trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai của cơ quan chuyên môn tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực đê điều:

a) Thực hiện trách nhiệm theo các quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

b) Phối hợp thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình đê điều.

4. Trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

a) Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Thực hiện trách nhiệm theo các quy định tại các điểm c, d, đ khoản 4 Điều 8 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

c) Hướng dẫn, tổ chức xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung, tổ chức thẩm định và trình phê duyệt phương án hộ đê, bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều thuộc phạm vi quản lý của thành phố.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện các nội dung liên quan đến bảo đảm an toàn đê quy định tại Chương III (về bảo vệ và sử dụng đê điều), Chương IV (về hộ đê), khoản 1 Điều 43 Chương VI (về trách nhiệm quản lý nhà nước về đê điều) của Luật Đê điều. Đồng thời tham mưu UBND thành phố thực hiện nhiệm vụ tại điểm d khoản 6 Điều 8 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại các điểm a, b, c, đ khoản 6 Điều 8 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức, quản lý việc thực hiện bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với các tuyến đê bao, bờ bao trên địa bàn quản lý; tổng hợp, báo cáo định kỳ hằng năm các trọng điểm xung yếu về phòng, chống thiên tai đối với công trình đê điều thuộc phạm vi quản lý, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 8. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý khai thác, vận hành công trình đập, hồ chứa nước thủy lợi, công trình chống úng, chống hạn và chống xâm nhập mặn

1. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai của tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác, vận hành (Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên thủy lợi Đồng Nai và các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác, vận hành công trình thủy lợi khác): Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

3. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi ở địa phương phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định khác có liên quan; thực hiện các quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 3 Điều 9 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

b) Đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí duy tu, bảo dưỡng, bảo trì công trình; xử lý kịp thời sự cố hoặc nguy cơ xảy ra sự cố, khắc phục hậu quả thiên tai và hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp kinh phí trong trường hợp vượt quá khả năng cân đối của thành phố, đồng thời tham mưu thực hiện nhiệm vụ tại điểm d khoản 5 Điều 9 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra các quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, khai thác, vận hành công trình đập, hồ chứa nước thủy lợi, công trình chống úng, chống hạn, chống xâm nhập mặn thuộc phạm vi quản lý.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại điểm a, b, c, đ khoản 5 Điều 9 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

Điều 9. Bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

1. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá: Thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành, sử dụng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

a) Thực hiện các quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT; khoản 3 Điều 85 Luật Thủy sản 2017 quy định trách nhiệm của tổ chức được giao quản lý, sử dụng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

b) Thuyền trưởng hoặc người điều khiển tàu cá khi vào khu neo đậu tránh trú bão phải chấp hành sự điều hành và hướng dẫn của Ban quản lý khu neo đậu và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp thành phố, cấp xã.

c) Khi đã neo đậu an toàn, thuyền trưởng hoặc người điều khiển tàu cá phải thông báo cho Ban quản lý khu neo đậu và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự về tên, số đăng ký, tình trạng của tàu, số người trên tàu và các yêu cầu khác (nếu có);

d) Tàu cá chỉ được rời khu neo đậu tránh trú bão khi đã đảm bảo an toàn và có thông báo bão, áp thấp nhiệt đới đã qua của Ban quản lý khu neo đậu hoặc có lệnh của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp thành phố, cấp xã.

3. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Thực hiện trách nhiệm theo các quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về các quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn thành phố.

c) Tham mưu UBND thành phố thực hiện nhiệm vụ tại điểm d khoản 5 Điều 10 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện trách nhiệm theo các quy định tại điểm a, b, c, d khoản 5 Điều 10 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

b) Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, chủ phương tiện tàu cá trên địa bàn chấp hành các chính sách pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và các lĩnh vực có liên quan.

c) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình thường xuyên giám sát, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật đối với tổ chức, cá nhân hoạt động trong khu vực khu neo đậu.

Điều 10. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành hệ thống cảnh báo, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng

1. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành hệ thống cảnh báo, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý hệ thống cảnh báo, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

3. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

b) Tham mưu đề xuất Ủy ban nhân thành phố bố trí kinh phí duy tu, bảo dưỡng công trình; xử lý kịp thời sự cố hoặc nguy cơ xảy ra sự cố, hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc phạm vi quản lý; đồng thời tham mưu thực hiện nhiệm vụ tại điểm d khoản 5 Điều 11 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại điểm a, b, c, đ, e khoản 5 Điều 11 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo định kỳ về hiện trạng và phương án bảo vệ hệ thống cảnh báo, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 4 hằng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai việc thực hiện Quy định này.

2. Khi các văn bản áp dụng hoặc viện dẫn tại Quy định này có sự thay đổi, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì phải căn cứ áp dụng theo quy định mới nhất được ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, bất cập, các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.